

RENEWING QUALITY ASSURANCE OF EARLY CHILDHOOD AND GENERAL EDUCATION IN VIETNAM IN THE CURRENT CONTEXT

Nguyen Duc Son¹, Duong Giang Thien Huong^{*2},
Tran Thi Bich Ngoc³, Dao Thi Minh Chau⁴,
Nguyen Vinh Quang⁵, Hoang Thi Kim Hue⁶

* Corresponding author
Email: huongdgt@hnue.edu.vn

¹ Email: sonnd@hnue.edu.vn

³ Email: ngocttb@hnue.edu.vn

⁴ Email: chaunm@hnue.edu.vn

⁵ Email: quangnv@hnue.edu.vn

^{1,2,3,4,5} Hanoi National University of Education

136 Xuan Thuy, Cau Giay ward, Hanoi, Vietnam

⁶ Email: huehtk@naem.edu.vn

The National Academy of Education Management

31 Phan Dinh Giot, Phuong Liet ward,

Hanoi, Vietnam

Received: 25/8/2025

Revised: 20/9/2025

Accepted: 02/10/2025

Published: 25/12/2025

Abstract: Quality assurance in early childhood and general education is a crucial tool for controlling educational quality, assessing compliance with quality standards, and thereby promoting improvements and enhancing overall educational outcomes. This study examines the current state of the quality assurance system in Vietnam by analyzing the existing legal framework and collecting feedback from 807 educational administrators across different levels of education. The results indicate that, although the quality assurance system has made significant progress, several challenges remain, including the independence of quality assurance activities, the competence of personnel involved, the relevance of standards to local conditions, and post-assessment support mechanisms. Based on these findings, the paper proposes several policy, organizational, and standard-related innovations aimed at developing an effective quality assurance system that aligns with Vietnam's context and international trends.

Keywords: *Quality assurance in education, early childhood education, general education, educational policy.*

ĐỔI MỚI KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Đức Sơn¹, Dương Giáng Thiên Hương^{*2},
Trần Thị Bích Ngọc³, Đào Thị Minh Châu⁴,
Nguyễn Vinh Quang⁵, Hoàng Thị Kim Huệ⁶

* Tác giả liên hệ
Email: huongdgt@hnue.edu.vn

¹ Email: sonnd@hnue.edu.vn

³ Email: ngocttb@hnue.edu.vn

⁴ Email: chaunm@hnue.edu.vn

⁵ Email: quangnv@hnue.edu.vn

^{1,2,3,4,5} Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

136 Xuân Thủy, phường Cầu Giấy,

Hà Nội, Việt Nam

⁶ Email: huehtk@naem.edu.vn

Học viện Quản lý Giáo dục

31 Phan Đình Giót, phường Phương Liet,

Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 25/8/2025

Chỉnh sửa xong: 20/9/2025

Chấp nhận đăng: 02/10/2025

Xuất bản: 25/12/2025

Tóm tắt: Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông là một trong những công cụ quan trọng nhằm kiểm soát chất lượng, đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, từ đó thúc đẩy cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Nghiên cứu tiến hành khảo sát thực trạng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục tại Việt Nam thông qua phân tích khung pháp lý hiện hành và thu thập ý kiến từ 807 cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp học khác nhau. Kết quả cho thấy, mặc dù hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đã có những bước tiến đáng kể vẫn còn nhiều thách thức cần được giải quyết, bao gồm tính độc lập của hoạt động kiểm định, chất lượng đội ngũ thực hiện, sự phù hợp của các tiêu chuẩn với điều kiện thực tế và cơ chế hỗ trợ sau kiểm định. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp đổi mới về chính sách, cơ cấu tổ chức và nội dung tiêu chuẩn nhằm xây dựng một hệ thống kiểm định hiệu quả, phù hợp với bối cảnh Việt Nam và xu hướng quốc tế.

Từ khóa: *Kiểm định chất lượng giáo dục, giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, chính sách giáo dục.*

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục được hiểu là sự đáp ứng các mục tiêu của chương trình đào tạo, phù hợp với các yêu cầu của Luật Giáo dục cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012,

2017). Kiểm định chất lượng giáo dục được xem như một phương tiện quản lý chất lượng hiệu quả, giúp đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn, hiệu quả và điểm mạnh - yếu của các cơ sở giáo dục (Lê Đức Ngọc, 2008). Qua đó, các cơ sở giáo dục có thể xác

định các vấn đề cần cải thiện, tận dụng thế mạnh và xây dựng kế hoạch phát triển.

UNESCO (2012) định nghĩa kiểm định chất lượng là quá trình bao gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận mức chất lượng của một cơ sở giáo dục dựa trên các chuẩn mực được cơ quan quản lý ban hành. Desveaux và cộng sự (2017), Areen (2011), Ibrahim (2014) đều thống nhất rằng kiểm định tuân theo nguyên tắc cốt lõi: tự điều chỉnh và cải tiến liên tục thông qua đánh giá định kỳ bởi các tổ chức độc lập.

Kiểm định chất lượng giáo dục không chỉ đóng vai trò giám sát mà còn góp phần thúc đẩy chất lượng theo triết lý “đảm bảo chất lượng” (Nguyễn Minh Đường, 2014). Tại Hoa Kỳ, kiểm định là một quá trình tự nguyện nhưng mang lại nhiều giá trị thực tiễn như tăng cường uy tín và khả năng tham gia vào các chương trình hỗ trợ cộng đồng (Oldham, 2018; Butler, 2008). Quy trình này bắt đầu từ tự đánh giá toàn diện theo 7 tiêu chí như mục tiêu rõ ràng, hiệu quả giảng dạy, quản lý nguồn lực và sự tham gia của các bên liên quan (Elgart, 2017).

Tại Anh, hoạt động thanh tra trường học do Ofsted đảm nhiệm cũng là một hình thức kiểm định chất lượng có hệ thống, đánh giá toàn diện chương trình học, chất lượng giảng dạy, phát triển cá nhân, an toàn học đường và hiệu quả lãnh đạo nhà trường (Roberts & Abreu, 2018; Zheng & Thomas, 2022).

Kiểm định chất lượng giáo dục là một quá trình tổ chức có hệ thống nhằm công nhận rằng cơ sở giáo dục đạt được các tiêu chuẩn cụ thể. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy, dù là kiểm định (Accreditation) hay thanh tra (Inspection), các mô hình này đều hướng đến cải tiến chất lượng và duy trì tính minh bạch, trách nhiệm giải trình (Desveaux và cộng sự, 2017).

Phạm Xuân Thanh (2011) đã phân tích tổng quan hệ thống chính sách, quy trình Kiểm định chất lượng giáo dục, nhấn mạnh nhu cầu cải thiện quản lý chất lượng và nâng cao hiệu quả triển khai. Trong khi đó, nghiên cứu của Phan Thị Dung chỉ ra rằng, nhận thức về kiểm định vẫn chưa đồng bộ, đặc biệt là tại các bậc học mầm non và phổ thông. Hệ thống còn thiếu cơ chế chính sách cụ thể, chưa có chế tài rõ ràng với các trường không thực hiện kiểm định hoặc không đạt chuẩn.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông tại Việt Nam được triển khai từ năm 2008 và ngày càng được hoàn thiện thông qua hệ thống văn bản pháp lý do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, như: Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn và quy trình kiểm định cho ba cấp học; Thông

tư số 17 và số 18/2018/TT-BGDĐT điều chỉnh kiểm định đối với cấp Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông; và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT bổ sung các quy định phù hợp với thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh sáp nhập các trường phổ thông nhiều cấp học. Các văn bản này tạo nền tảng pháp lý cho hoạt động kiểm định được triển khai bài bản và có hệ thống.

Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Phan Trọng Nam và cộng sự (2024), việc thực hiện kiểm định ở bậc mầm non và phổ thông vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: Nhận thức và năng lực thực hiện chưa đồng đều, kế hoạch tự đánh giá chưa cụ thể, quy trình thiếu đồng bộ và thiếu cơ sở vật chất, kinh phí hỗ trợ. Hơn nữa, phần lớn nghiên cứu hiện nay tập trung vào giáo dục đại học, trong khi giáo dục mầm non và phổ thông chưa được khảo sát chuyên sâu.

Trong bối cảnh hệ thống kiểm định đang từng bước hoàn thiện nhưng còn vướng mắc trong thực tiễn triển khai, cần có những nghiên cứu đánh giá thực trạng kiểm định chất lượng tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, nhằm đề xuất các giải pháp khả thi và định hướng chính sách đổi mới phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục ở các cấp học nền tảng này.

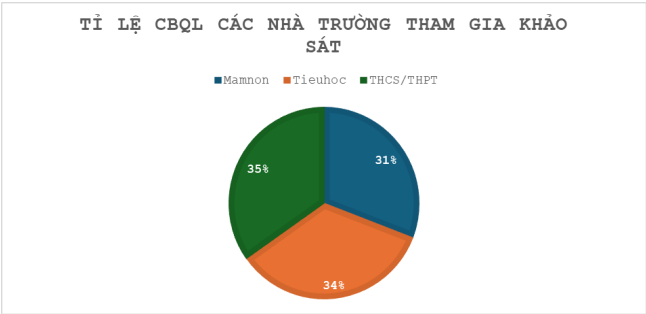
2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp khảo sát định lượng và phỏng vấn định tính nhằm phân tích thực trạng kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông tại Việt Nam, từ đó đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm cụ thể hóa chính sách trong triển khai kiểm định.

Dữ liệu định lượng được thu thập từ 807 cán bộ quản lý giáo dục, bao gồm: 11 chuyên viên Sở Giáo dục và Đào tạo, 264 hiệu trưởng, 458 phó hiệu trưởng và 64 tổ trưởng chuyên môn, đến từ các cơ sở giáo dục mầm non (249), tiểu học (277) và trung học (281). Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, tập trung vào hai nội dung chính: 1) Mức độ đầy đủ, rõ ràng và khả thi của chính sách, quy định pháp lý về kiểm định; 2) Những thách thức trong quá trình tổ chức thực hiện kiểm định tại các cơ sở giáo dục.

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS để phân tích xu hướng, mức độ đồng thuận và sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng theo cấp học. Bên cạnh đó, phỏng vấn sâu được thực hiện với một số cán bộ quản lý đại diện cho ba cấp học nhằm khai thác sâu hơn về thực tiễn triển khai, khó khăn trong tự đánh giá và đánh giá ngoài, cũng như đề xuất cải tiến từ cơ sở (xem Biểu đồ 1). Việc kết hợp hai phương pháp

cho phép đối chiếu và kiểm chứng chéo dữ liệu, góp phần nâng cao độ tin cậy và chiều sâu của phân tích.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ cán bộ quản lý các cấp học tham gia khảo sát về thực trạng kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

3. Kết quả nghiên cứu

Thực trạng ban hành chính sách và xây dựng các quy định pháp lý về kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

Khảo sát về thực trạng thực hiện ban hành chính sách (4 chỉ báo) và xây dựng các qui định pháp lý (16 chỉ báo) về kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông theo 5 mức độ đánh giá đã thu được kết quả như sau (xem Bảng 1):

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy cán bộ quản lý các cấp học (Mầm non, Tiểu học, Trung học) có đánh giá khá tương đồng về mức độ triển khai chính sách kiểm định chất lượng giáo dục. Hai nội dung được đánh giá cao nhất, với điểm trung bình 3,84 là: 1) “Chính sách cụ thể về triển khai hệ thống kiểm định, bao gồm phân công nhiệm vụ, cơ chế phối hợp và khung thời gian thực hiện”; 2) “Chính sách tăng cường năng lực tự đánh giá và cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục”. Tuy nhiên, nội dung “Chiến lược, định hướng phát triển giáo dục xác định rõ vai trò của kiểm định chất lượng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục” có điểm trung bình thấp hơn (3,80), đặc biệt ở cấp Tiểu học (3,46), so với Mầm non (4,12) và Trung học (3,85). Điều này cho thấy, nhận thức của cán bộ quản lý về định hướng chiến lược kiểm định vẫn còn hạn chế, dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản pháp lý như Thông tư số 17, 18, 19/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT, Điều lệ nhà trường và các hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học. Do đó, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách kiểm định chất lượng giáo dục, đồng thời tăng cường hoạt động phổ biến và truyền thông chính sách nhằm nâng cao nhận thức và sự hiểu biết của đội ngũ cán bộ quản lý trong các nhà trường về vai trò và yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục.

Bảng 1: Thực trạng đánh giá về ban hành chính sách đối với kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

Cấp học	Mầm non (N= 249)	Tiểu học (N=277)	Trung học cơ sở/ Trung học phổ thông (N= 281)	Tổng cộng (N=807)	Thứ bậc
	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	
1.1. Chiến lược, định hướng phát triển giáo dục xác định rõ nhiệm vụ, chức năng, vai trò của hệ thống Kiểm định chất lượng giáo dục đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục.	4.12	3.46	3.85	3.80	4
1.2. Cơ quan quản lý nhà nước có chính sách hoàn thiện hệ thống Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục.	4.12	3.49	3.86	3.82	3
1.3. Cơ quan quản lý nhà nước có chính sách cụ thể triển khai hệ thống Kiểm định chất lượng giáo dục trong đó giao nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân, xác định cơ chế phối hợp và khung thời gian thực hiện.	4.12	3.52	3.89	3.84	1
1.4. Cơ quan quản lý nhà nước có chính sách tăng cường năng lực tự đánh giá và cải tiến chất lượng của các cơ sở giáo dục đủ để đáp ứng yêu cầu Kiểm định chất lượng giáo dục.	4.13	3.53	3.90	3.84	1

Bảng 2: Thực trạng về quy định pháp lý đối với kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

Cấp học	Mầm non (N= 249)	Tiểu học (N=277)	Trung học cơ sở/ Trung học phổ thông (N= 281)	Tổng cộng (N=807)	Thứ bậc
	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	
Các quy định chung					
1.5. Cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật về hệ thống và hoạt động của hệ thống Kiểm định chất lượng giáo dục.	4.13	3.57	3.93	3.87	1
1.6. Hệ thống văn bản pháp quy hướng dẫn đầy đủ, cụ thể về quy trình Kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông.	4.16	3.54	3.95	3.87	1
1.7. Hệ thống văn bản pháp quy quy định chu kì kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với khả năng thực hiện của cơ sở giáo dục.	4.14	3.53	3.88	3.84	3
1.8. Quy định về các mức đánh giá đối với cơ sở giáo dục là phù hợp với thực tiễn nhà trường.	4.09	3.51	3.85	3.81	5
1.9. Yêu cầu về hồ sơ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông giúp cơ sở giáo dục chủ động trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường.	4.06	3.50	3.88	3.80	6
1.10. Quy định về tài chính cho kiểm định chất lượng giáo dục rõ ràng, cụ thể, phù hợp với nhà trường.	4.06	3.45	3.81	3.77	7
1.11. Quy định về công nhận và chứng nhận trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục là phù hợp thực tiễn nhà trường.	4.13	3.51	3.89	3.83	4
Quy định về các tiêu chuẩn, tiêu chí					
1.12. Quy định về tiêu chuẩn tổ chức và quản lý nhà trường và các tiêu chí liên quan phù hợp với thực tiễn nhà trường.	4.17	3.51	3.89	3.84	4
1.13. Quy định về tiêu chuẩn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh và các tiêu chí liên quan phù hợp với thực tiễn nhà trường.	4.20	3.48	3.95	3.87	1
1.14. Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học và các tiêu chí liên quan phù hợp với thực tiễn nhà trường.	4.13	3.45	3.79	3.78	5
1.15. Quy định về tiêu chuẩn quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội và các tiêu chí liên quan phù hợp với thực tiễn nhà trường.	4.18	3.51	3.88	3.85	3
1.16. Quy định về tiêu chuẩn hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục và các tiêu chí liên quan phù hợp với thực tiễn nhà trường.	4.18	3.52	3.92	3.86	2
Quy định đối với các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài					

Cấp học	Mầm non (N= 249)	Tiểu học (N=277)	Trung học cơ sở/ Trung học phổ thông (N= 281)	Tổng cộng (N=807)	Thứ bậc
	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	
1.17. Thủ tục đăng kí đánh giá ngoài đơn giản, nhanh chóng, kịp thời.	4.14	3.46	3.93	3.83	2
1.18. Hồ sơ đánh giá ngoài được hướng dẫn cụ thể.	4.15	3.44	3.91	3.82	4
1.19. Thủ tục thành lập đoàn đánh giá ngoài được quy định phù hợp.	4.12	3.47	3.93	3.83	2
1.20. Hoạt động tự đánh giá được hướng dẫn cụ thể.	4.18	3.46	3.94	3.85	1

Bảng 2 cho thấy, trong nhóm các quy định chung về kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông, hai nội dung được đánh giá cao nhất với điểm trung bình 3,87 là: 1) “Cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật về hệ thống và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông”; 2) “Hệ thống văn bản pháp quy hướng dẫn đầy đủ, cụ thể về quy trình kiểm định chất lượng giáo dục”.

Ngược lại, nội dung “Quy định về tài chính cho kiểm định chất lượng giáo dục rõ ràng, cụ thể, phù hợp với nhà trường” có điểm trung bình thấp nhất (3,77), trong đó mầm non đạt 4,06; tiểu học 3,45 và trung học 3,81. Cán bộ quản lý đều “mong muốn có quy định tài chính rõ ràng hơn cho hoạt động kiểm định tại nhà trường, đặc biệt là hỗ trợ cho quá trình tự đánh giá”. Một số ý kiến đề xuất: “Cần có hướng dẫn tài chính chi tiết cho từng giai đoạn kiểm định và kế hoạch cải tiến sau đánh giá; tăng ngân sách cho tổ tự đánh giá; đồng thời có chính sách tài chính cụ thể”, vì hiện nay “chỉ hỗ trợ cho đoàn đánh giá ngoài, còn tự đánh giá gần như phải làm ngoài giờ mà không có thanh toán”.

Ngoài ra, nội dung: “Yêu cầu về hồ sơ kiểm định giúp cơ sở giáo dục chủ động trong đảm bảo chất lượng” cũng chưa được đánh giá cao (điểm trung bình 3,80, xếp thứ 6). Nhiều cán bộ cho rằng “yêu cầu hồ sơ hiện nay còn hạn chế, thiếu bảng điểm chi tiết cho tự đánh giá, làm giảm tính định lượng và gây khó khăn trong thực hiện”. Họ đề nghị cần có “mẫu danh mục hồ sơ thống nhất cho toàn tỉnh, đồng thời quy định rõ hình thức minh chứng (văn bản giấy hay file mềm)”.

Riêng ở cấp Mầm non, có đề xuất nên giảm tải yêu cầu lưu trữ, chỉ giữ lại minh chứng cốt lõi liên quan đến chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Một số cán bộ cũng đề nghị rút gọn phần số liệu trong báo cáo tự đánh giá để giảm áp lực hành chính cho nhà trường.

Đối với phần các quy định tiêu chuẩn và tiêu chí đối với kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông, “Quy định về tiêu chuẩn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh và các tiêu chí liên quan phù hợp với thực tiễn nhà trường” được đánh giá ở mức độ cao nhất với điểm trung bình là 3,87. Trong khi đó “Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học và các tiêu chí liên quan phù hợp với thực tiễn nhà trường” đều được cán bộ quản lý các cấp học đánh giá thấp nhất (xếp thứ 5) với điểm điểm trung bình lần lượt là 4,13 (Mầm non), 3,45 (Tiểu học), 3,19 (Trung học). Lí giải cho điều này có thể nhận thấy, các nhà trường đều đánh giá tương đồng nhau đối với các tiêu chí và tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, cán bộ quản lý các cấp vẫn mong muốn các tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phù hợp hơn với thực tiễn của mỗi cơ sở giáo dục, đồng thời họ mong muốn “Cấp trên cần bổ sung cơ sở vật chất còn thiếu trong phần cải tiến chất lượng hằng năm của nhà trường”, hoặc “Đối với cơ sở vật chất chỉ cần đảm bảo, đúng quy định, đáp ứng nhu cầu dạy và học, không nên yêu cầu mới, sơn sửa lại,... chống lãng phí.” “Quy định cơ sở vật chất cụ thể đối với các trường được xây dựng trong các giai đoạn khác nhau”. Lí giải thêm về việc các quy định tiêu chuẩn tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục được các nhà trường đánh giá

chưa cao là vì có nhiều nhà trường cũng mong muốn đối với các tiêu chuẩn tiêu chí, các cơ quan quản lý Nhà nước cần có quy định riêng cho từng vùng, từng khu vực bởi mỗi khu vực có những đặc điểm rất khác nhau về điều kiện kinh tế - xã hội và văn hoá. “Một số tiêu chí mới sửa đổi bổ sung ở Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT còn cao so với các trường vùng núi, vùng xa, vùng nông thôn”.

Đối với các quy định đối với các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, cán bộ quản lý các cấp cũng đánh giá tương đồng nhau ở mức khá với điểm trung bình từ 3,82-3,85 (mức độ hài lòng). Trong đó, nội dung “Hoạt động tự đánh giá được hướng dẫn cụ thể” được đánh giá cao nhất với điểm điểm trung bình ở cả 3 cấp là 3,85 (xếp thứ nhất) và nội dung “Hồ sơ đánh giá ngoài được hướng dẫn cụ thể” được đánh giá ở mức độ thấp nhất 3.82 (xếp thứ 4). Mặc dù, nhìn vào điểm trung bình chúng ta có thể thấy những đánh giá này của cán bộ quản lý các trường không chênh lệch nhau là bao nhiêu nhưng với các nội dung về hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài thì cán bộ quản lý vẫn cho rằng, quy định về các hoạt động đánh giá ngoài cần được cụ thể hơn nữa. Theo các cán bộ quản lý: “Cần tiếp tục duy trì hoạt động

tự đánh giá của nhà trường” vì “Hoạt động này có thể giúp cập nhật và cải tiến những hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, nhưng bên cạnh đó vẫn cần tăng cường truyền thông nội bộ và tập huấn chuyên sâu về vai trò của tự đánh giá”, đồng thời “cần có thêm các buổi hướng dẫn đánh giá ngoài cụ thể và chi tiết”, “Chỉ rõ cho cơ sở giáo dục tìm minh chứng ở đâu, chỗ nào” và “Cần giảm bớt yêu cầu về hồ sơ từ đoàn đánh giá ngoài”, “Giảm tải hệ thống lưu trữ hồ sơ nên đi sâu vào thực tiễn, thực hành chất lượng tại cơ sở giáo dục”.

Như vậy, cán bộ quản lý các nhà trường đã quan tâm và đánh giá ở mức độ hài lòng đối với các quy định và chính sách đối với kiểm định chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học. Tuy nhiên, các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông rất cần được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của các nhà trường và đáp ứng những yêu cầu của đổi mới giáo dục và đảm bảo chất lượng giáo dục. Cần có cơ chế cho việc truyền thông về các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông cho tất cả các thành viên trong các nhà trường nhằm nâng cao và đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

Bảng 3: Thực trạng đánh giá về thách thức đặt ra đối với hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông hiện nay

Cấp học	Mầm non (N= 249)	Tiểu học (N=277)	Trung học cơ sở/ Trung học phổ thông (N= 281)	Tổng cộng (N=807)	Thứ bậc
	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	Điểm trung bình	
6.1. Chưa đảm bảo tính khách quan, độc lập.	3.74	3.25	3.28	3.41	5
6.2. Đội ngũ chưa được chuẩn hoá và bồi dưỡng.	3.71	3.25	3.35	3.42	4
6.3. Thiếu quy định kiểm định giữa kì và cải tiến chất lượng.	3.70	3.35	3.40	3.47	2
6.4. Quy định chưa phù hợp theo điều kiện của từng vùng/khu vực.	3.77	3.36	3.40	3.50	1
6.5. Tiêu chuẩn liên quan đến các vấn đề dạy học và giáo dục chung chung và cứng nhắc.	3.71	3.32	3.33	3.44	3
6.6. Thành tố của hệ thống kiểm định chưa rõ ràng, rành mạch.	3.67	3.22	3.30	3.39	7
6.7. Chính sách về hệ thống chất lượng chưa nhất quán và rõ ràng.	3.69	3.30	3.30	3.42	6

Một số những thách thức đặt ra đối với việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông và mầm non hiện nay

Trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, có rất nhiều thách thức đặt ra. Để làm rõ điều này, đề tài đã khảo sát cán bộ quản lý mầm non và các cấp học khác, kết quả thu được (xem Bảng 3).

Cán bộ quản lý các cấp có chung quan điểm đồng tình khi đánh giá các thách thức đặt ra đối với việc thực hiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Nội dung được đánh giá là khó khăn nhất đó là “Quy định chưa phù hợp theo điều kiện của từng vùng/khu vực” với điểm trung bình tổng là 3,50 (thứ nhất). Điều này tương quan với kết quả thu được từ bảng trên với việc đánh giá các qui định hiện nay chưa đáp ứng được điều kiện của từng vùng miền, dẫn đến các quy định về tiêu chuẩn tiêu chí còn đôi khi không thực tế với địa phương. Các vấn đề về cơ sở vật chất cần cân nhắc dựa trên điều kiện của mỗi địa phương.

Nội dung “Thiếu quy định kiểm định giữa kì và cải tiến chất lượng” cũng được các Cán bộ quản lý các cấp đánh giá ở mức độ khó khăn thứ 2 với điểm trung bình là 3,47. Việc cải tiến chất lượng là một vấn đề cực kì quan trọng trong việc thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục. Đôi khi việc lập kế hoạch cải tiến chất lượng chỉ được xây dựng cho có, hoặc chưa có sự hướng dẫn, tư vấn tham mưu từ các đơn vị chức năng hoặc nhà chuyên môn dẫn đến việc thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Cần có cơ chế chính sách rõ ràng cho các hoạt động cải tiến, chẳng hạn như cung cấp các nguồn tài chính để bổ sung, nâng cấp điều kiện phục vụ dạy học...

Một khó khăn nữa mà cán bộ quản lý các cấp đánh giá đó chính là “Tiêu chuẩn liên quan đến các vấn đề dạy học và giáo dục chung chung và cứng nhắc” với điểm trung bình là 3,44 (xếp thứ 3). Với những ý kiến, mong đợi từ các nhà Cán bộ quản lý các trường học là các tiêu chuẩn tiêu chí của Kiểm định chất lượng giáo dục cần bám sát vào các vấn đề chất lượng chính của nhà trường đó là “Kết quả dạy và học” là “Sự hài lòng của các bên có liên quan” thay vì việc tập trung vào các vấn đề nặng tính hành chính như hiện tại.

Tóm lại, hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông hiện nay vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục:

- Cơ chế hoạt động còn thiếu tính độc lập, chưa

thực sự đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan của kiểm định chất lượng quy định trong Luật Giáo dục 2019. Việc đánh giá ngoài do Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tự tổ chức thực hiện và công nhận sẽ có những tác động chủ quan nhất định. Do đó, cần xem xét đề xuất cơ chế thực hiện linh hoạt hơn.

- Các tiêu chuẩn, tiêu chí thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục còn mang nặng tính hành chính, chưa đáp ứng được mục tiêu cải tiến và đảm bảo chất lượng giáo dục. Một số Tiêu chuẩn, tiêu chí không phù hợp với tình hình điều kiện của một số vùng miền.

- Nhân sự tham gia công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng còn thiếu và chưa chuyên sâu.

- Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng chưa đồng bộ, thiếu nền tảng số và sự liên thông giữa các lĩnh vực.

- Chưa có những chính sách thực sự thúc đẩy việc cải tiến chất lượng của các nhà trường; chẳng hạn như khuyến khích, tạo động lực cho các trường khi cải tiến, tính thời gian cho giáo viên, Cán bộ quản lý làm các nhiệm vụ Kiểm định chất lượng giáo dục, có nguồn tài chính đáp ứng việc cải tiến sau kiểm định, có chính sách riêng cho các trường khi thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông. Cả hai hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông của bậc Mầm non và Phổ thông tiếp tục cần có những cải cách chính sách để đảm bảo tính độc lập và minh bạch, cần điều chỉnh việc thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục và điều chỉnh các tiêu chuẩn tiêu chí sao cho phù hợp hơn với các nhà trường

3.3. Đề xuất một số giải pháp thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

3.3.1. Nguyên tắc đề xuất giải pháp

Mọi giải pháp kiểm định phải nhằm mục tiêu cuối cùng là đảm bảo và nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập, sự phát triển về phẩm chất và năng lực của trẻ mầm non và học sinh phổ thông.

Các giải pháp cần cân bằng giữa việc thích nghi với điều kiện thực tiễn trong nước và tiếp thu những tinh hoa của thế giới.

3.3.2. Một số giải pháp phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông ở Việt Nam

Nhằm tạo nền tảng vững chắc và định hướng rõ ràng cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong bối cảnh hiện nay, nhóm tác giả xin đề xuất một số giải pháp về khung pháp lý và chính sách, bao gồm:

a. Chuyển đổi mô hình kiểm định theo hướng phù hợp với bối cảnh Việt Nam

Cần xây dựng và ban hành văn bản pháp lý mới (Nghị định hoặc Thông tư) thay thế các Thông tư số 17, 18, 19/2018/TT-BGDĐT, nhằm chuyển từ mô hình kiểm định do tổ chức kiểm định độc lập thực hiện sang mô hình “đánh giá chất lượng giáo dục quốc gia”. Theo đó, việc đánh giá sẽ do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn như các trung tâm đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của các trường đại học và ở địa phương. Quá trình đánh giá cần gắn chặt với hoạt động tự đánh giá của nhà trường, tạo điều kiện để trường học chủ động nhìn lại quá trình hoạt động, nhận diện điểm mạnh và điểm cần cải tiến.

b. Phát huy vai trò của các trường sư phạm trọng điểm trong công tác đánh giá chất lượng và bồi dưỡng đội ngũ

Cần mở rộng chức năng của các phòng quản lý chất lượng, trung tâm đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục thuộc các trường đại học sư phạm và các trung tâm kiểm định độc lập, nhằm tham gia đánh giá và giám sát chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông. Các chức năng mở rộng bao gồm: Nghiên cứu lý luận, phương pháp và công cụ đánh giá phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và chuẩn quốc tế; Phát triển và chia sẻ bộ công cụ đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh, tiêu chí trường học hạnh phúc, môi trường an toàn và sức khỏe tâm thần học đường; Cung cấp dịch vụ tư vấn chuyên môn cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trong tự đánh giá, thu thập minh chứng, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng; tổ chức tập huấn chuyên sâu và cấp chứng chỉ cho cán bộ quản lý, giáo viên và đánh giá viên, ưu tiên hỗ trợ các địa phương khó khăn. Mặt khác, tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác bảo đảm chất lượng các cấp, cập nhật và phục vụ tốt cho việc triển khai các hoạt động kiểm định và đánh giá chất lượng.

c. Xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính và khuyến khích các trường tham gia đánh giá chất lượng

Cần có chính sách hỗ trợ tài chính cho các trường mầm non và phổ thông khi thực hiện công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng. Đặc biệt, cần ưu tiên hỗ trợ cho các trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Việc hỗ trợ có thể bao gồm chi phí in ấn tài liệu, tổ chức tập huấn, thuê chuyên gia tư vấn, hoặc mua sắm thiết bị hỗ trợ đánh giá. Chính sách này sẽ giúp các trường có điều kiện khó khăn vẫn có thể tham gia và thực hiện hiệu quả

công tác đánh giá, góp phần thu hẹp khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các vùng miền.

d. Cập nhật và đơn giản hóa bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

Rà soát, cập nhật bộ tiêu chuẩn theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất theo hướng định lượng hóa và cụ thể hóa các chỉ số về phẩm chất và năng lực của người học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Phát triển các tiêu chuẩn về môi trường học đường an toàn, hạnh phúc và sức khỏe tâm thần. Đơn giản hóa và đa dạng hóa minh chứng như loại bỏ các yêu cầu minh chứng mang tính hình thức, rườm rà. Thay vào đó, tập trung vào các minh chứng thực tế, sống động, có thể là kết quả dự án học tập, sản phẩm sáng tạo của học sinh, phỏng vấn ngẫu nhiên học sinh/giáo viên/phụ huynh, quan sát hoạt động dạy và học trên lớp, khảo sát ý kiến cộng đồng.

e. Phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng minh bạch, thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

Thực tiễn cho thấy, minh chứng là yếu tố then chốt để xác thực mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng. Tuy nhiên, nếu quá tập trung vào văn bản quy định mang tính hình thức mà bỏ qua bản chất hoạt động giáo dục, minh chứng có thể trở thành gánh nặng cho nhà trường và cơ quan quản lý. Do đó, việc kiểm soát hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng, xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ hiệu quả, minh bạch hóa quy trình và ứng dụng chuyển đổi số là giải pháp quan trọng nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động nhà trường và nâng cao cam kết chất lượng đối với xã hội...

4. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông tại Việt Nam đã có những bước tiến tích cực, với khung pháp lý dần hoàn thiện và sự tham gia chủ động hơn từ các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế mang tính hệ thống như: Thiếu tính độc lập trong đánh giá ngoài, đội ngũ chưa được chuẩn hóa đồng bộ, tiêu chí đánh giá còn mang nặng tính hành chính và chưa phù hợp với đặc thù vùng miền, nhất là trong bối cảnh đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, cần có thêm những chính sách thực sự thúc đẩy việc cải tiến chất lượng của các nhà trường.

Để khắc phục những bất cập này, nghiên cứu đề xuất chuyển đổi từ mô hình kiểm định hành chính

hiện nay sang mô hình đánh giá chất lượng quốc gia, có sự tham gia của các tổ chức chuyên môn độc lập, đặc biệt là các trường đại học sư phạm và trung tâm kiểm định theo vùng. Đồng thời, cần hoàn thiện chính sách hỗ trợ tài chính minh bạch, cơ chế khuyến khích cải tiến chất lượng sau kiểm định, cũng như rà soát, cập nhật bộ tiêu chuẩn theo hướng định lượng hóa, bám sát chương trình phát triển phẩm chất và năng lực người học, phát triển hệ thống thông tin minh bạch, thúc đẩy chuyển đổi số.

Phát triển một hệ thống kiểm định chất lượng

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở và trung học phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018c). *Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018d). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT Sửa đổi Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT và Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT*.
- Desveaux L, Mitchell JI, Shaw J, Ivers NM. Understanding the impact of accreditation on quality in healthcare: A grounded theory approach. *Int J Qual Health Care*. 2017 Nov 1;29(7), pp.941-947. <https://doi.org/10.1093/intqhc/mzx136>. PMID: 29045664
- Elgart, M. (2017). Meeting the promise of continuous improvement [White paper]. Cognia. <https://www.cognia.org/insights/meeting-the-promise-of-continuous-improvement/>
- Ibrahim HAH. (2014). Quality assurance and accreditation in education. *Open Journal of Education*, vol. 2, no. 2, pp.106–110
- Lê Đức Ngọc, (2008), *Xây dựng văn hóa chất lượng: Tạo nội lực cho cơ sở đào tạo đáp ứng yêu cầu của thời đại chất lượng*, Trung tâm Kiểm định Đo lường và Đánh giá chất lượng giáo dục (CAMEEQ), Hà Nội.
- Nguyễn Minh Đường & Hoàng Thị Minh Phương. (2014). *Quản lý chất lượng đào tạo và chất lượng nhà trường theo mô hình hiện đại*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Norcini, J. J. & van Zanten, M. (2010). An overview of accreditation, certification, and licensure processes. In P. Peterson, E. Baker, & B. McGaw (Eds.), *International Encyclopedia of Education* (Vol. 3, pp.1–6). Elsevier.
- Phạm Xuân Thanh. (2011). *Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học: Thực tiễn ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Báo cáo hội thảo - tập huấn Chỉ số thực hiện đảm bảo chất lượng giáo dục đại học và tăng cường năng lực cho hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường, Cần Thơ.
- Phan Trọng Nam & Tăng Thị Hương. (2024). Biện pháp quản lý hoạt động tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục của các trường mầm non huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp*, 13(04S), tr.278-294. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.04S.2024.1466>
- OECD. (2018). *PISA 2018 Assessment and Analytical Framework*.
- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Luật Giáo dục 2019*.
- Roberts, N. & Abreu, L. (2018). *School inspections in England: Ofsted* (Briefing Paper No. 07091). House of Commons.
- UNESCO. (2017). *Global Education Monitoring Report 2017/8: Accountability in Education*.